PHỤ LỤC

Dự kiến nhu cầu kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng là con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang được nuôi dưỡng tập trung tại Trung tâm Nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công Thanh Hóa

TT	Nội dung	Số đối tượng	Hệ số hưởng/lần	Mức hỗ trợ đề xuất	Thời gian (tháng/ngày/đợt)	Cách tính	Kinh phí dự kiến/năm	Cơ sở đề xuất	
1	Hỗ trợ tiền ăn thêm hàng tháng đối với đối tượng con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% đến 80% để bằng mức của đối tượng có tỷ lệ thương tật từ 81% trở lên (3.012.000 đồng)	25	-	1.205.000 đồng/người/tháng	12 tháng	25 người x 1.205.000 đồng/người/tháng x 12 tháng	361.500.000	Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND đã quy định hỗ trợ tiền ăn thêm hằng tháng cho nhóm đối tượng có mức trợ cấp thấp để bằng mức trợ cấp chăm sóc, nuôi dưỡng hằng tháng của đối tượng bảo trợ xã hội. **Trên cơ sở kế thừa chính sách này**, đề xuất điều chỉnh mức hỗ trợ đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% đến 80%, để tổng mức trợ cấp và hỗ trợ đạt 3.012.000 đồng/người/tháng, bằng mức trợ cấp của nhóm đối tượng có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên theo phương án dự kiến. Mức đề xuất bằng phần chênh lệch giữa mức trợ cấp của nhóm từ 81% trở lên (3.012.000 đồng/tháng) và nhóm 61%-80% (1.807.000 đồng/tháng) nhằm bảo đảm điều kiện tiền ăn tương đồng đối với các đối tượng cùng được nuôi dưỡng tập trung: 3.012.000 - 1.807.000 = 1.205.000 đồng/người/tháng	
2	Hỗ trợ ăn thêm ngày lễ, Tết dương lịch, Tết Nguyên đán, chế độ ăn khi bị ốm đau						626.897.600	Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND, khoản 1 Điều 2: 06 ngày lễ thông thường x 03 lần; 05 ngày Tết Âm lịch x 05 lần. Mức chuẩn trợ giúp xã hội 540.000 đồng/tháng theo khoản 2 Điều 4 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP. Đề xuất mức hỗ trợ ăn thêm 13 ngày lễ, Tết bằng 03 lần tiêu chuẩn ngày thường. Mức tiêu chuẩn ngày thường tạm tính theo phương án tại mục 1 là 3.012.000 đồng chia cho 30 ngày = 100.400 đồng/người/ngày; Mức hỗ trợ tương ứng bằng 03 lần là 301.200 đồng/người/ngày; bằng 05 lần là 502.000 đồng/người/ngày. Theo số liệu của Khoa Người bị nhiễm chất độc hóa học, tổng số ngày điều trị do ốm đau của các đối tượng năm 2024 là 411 ngày, năm 2025 là 353 ngày và thực hiện 10 tháng đầu năm 2026 là 307 ngày. Trên cơ sở đó, tạm tính tổng số ngày cần hỗ trợ chế độ ăn khi ốm đau của các đối tượng là 350 ngày/năm để xây dựng dự toán kinh phí.	521.477.600
2.1	Ngày nghỉ Lễ, Tết Dương lịch	106	3 lần mức tiêu chuẩn ngày thường	100.400 đồng/người/ngày	08 ngày	106 người x (100.400 x 3) x 8 ngày	255.417.600		
2.2	Ngày Tết Âm Lịch	106	5 lần mức tiêu chuẩn ngày thường	100.400 đồng/người/ngày	05 ngày	106 người x (100.400 x 3) x 5 ngày	266.060.000		
2.3	Chế độ ăn ốm, đau	-	3 lần mức tiêu chuẩn ngày thường	100.400 đồng/người/ngày	350	(100.400 x 3) x 350 ngày	105.420.000		
3	Chi mua sắm tư trang, vật dụng phục vụ cho sinh hoạt thường ngày, chăn, màn, chiếu, quần áo mùa hè, quần áo mùa đông, quần áo lót, khăn mặt, giày, dép, bàn chải đánh răng, vệ sinh cá nhân hằng tháng đối với đối tượng nữ trong độ tuổi sinh đẻ và các chi phí khác	106		5.400.000 đồng/người/năm	01 năm	106 người x 5.400.000 đồng/người/năm	572.400.000	Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP ngày 21/8/2026 quy định: mỗi đối tượng/năm tối đa bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này nhân với hệ số 10.	

4	Chi phí điều trị, thuốc, hóa chất, vật tư y tế, dịch vụ kỹ thuật và các chi phí khác liên quan không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế theo hóa đơn, chứng từ thực tế cho đối tượng phải điều trị tại cơ sở y tế.	106		Thanh toán theo thực tế	01 năm	Dự kiến nhu cầu kinh phí trong năm theo thực tế phát sinh	200.000.000	Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP ngày 21/8/2026, quy định: Chi phí điều trị, thuốc, hóa chất, vật tư y tế, dịch vụ kỹ thuật và các chi phí khác liên quan không thuộc phạm vi thanh toán của quỹ bảo hiểm y tế theo hóa đơn, chứng từ thực tế cho đối tượng phải điều trị tại cơ sở y tế.
5	Chi mua thuốc thông thường, mua dụng cụ, phương tiện hỗ trợ phục hồi chức năng, hướng nghiệp, văn hoá thể thao	106		10.800.000 đồng/người/năm	01 năm	106 người x 10.800.000 đồng/người/năm	1.144.800.000	Khoản 4 Điều 22 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP ngày 21/8/2026 quy định: cho mỗi đối tượng/năm tối đa bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này nhân với hệ số 20.
6	Chi phí về điện, nước sinh hoạt hoặc mua xăng dầu chạy máy phát điện, lọc nước, vệ sinh môi trường, sửa chữa điện, nước, thuê mướn dịch vụ, vật tư và các khoản chi khác	106		8.100.000 đồng/người/năm	01 năm	106 người x 8.100.000 đồng/người/năm	858.600.000	Khoản 5 Điều 22 Nghị định số 335/2026/NĐ-CP ngày 21/8/2026 quy định: cho mỗi đối tượng/năm tối đa bằng mức chuẩn trợ giúp xã hội quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định này nhân với hệ số 15.
TỔNG CỘNG DỰ TOÁN KINH PHÍ							**3.764.197.600**	